TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2026/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 506/2026/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2026 về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" theo Quyết định mở phiên họp số 127/2026/QĐMPH-HNGĐ ngày 15/6/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1.1. Chị Phạm Thị Lan A, sinh ngày 27/01/1997. Số CCCD: 030197010xxx. Số hộ chiếu: C7287xxx, ngày cấp: 07/5/2019. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội xx, thôn L, xã B, thành phố Hải Phòng. Hiện ở: Hàn Quốc. Vắng mặt.

1.2. Anh Hàn Văn C, sinh ngày 12/3/1987. Số chứng minh nhân dân: 142395xxx. Số hộ chiếu: N2282xxx, ngày cấp: 21/11/2020. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội xx, thôn D, xã H, thành phố Hải Phòng. Hiện ở: Hàn Quốc. Vắng mặt.

Người được chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn C ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/11/1982. Số CCCD: 030182003xxx. Địa chỉ: Số xxx, phố Đ, phường P, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Phạm Xuân C1, sinh ngày 08/8/1966. Số CCCD: 030066008xxx. Địa chỉ: Đội xx, thôn L, xã B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị C2, sinh ngày 05/9/1973. Số CCCD: 030173010xxx. Địa chỉ: Đội xx, thôn L, xã B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn C cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/8/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Mặc dù cùng ở Hàn Quốc nhưng mỗi người sống một nơi, không quan tâm, không chia sẻ cùng nhau. Trước khi nộp đơn đến Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, anh chị đã thỏa thuận về ly hôn, con chung nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị Lan A và anh C đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hàn Huyền M1, sinh ngày 07/11/2020 và cháu Hàn Linh M2, sinh ngày 27/9/2023. Anh chị đã đưa hai con về cho bố mẹ đẻ chị Lan A là ông Phạm Xuân C1 và bà Nguyễn Thị C2 chăm sóc từ khi các cháu còn nhỏ đến nay. Chị Lan A và anh C thỏa thuận giao hai con chung cho chị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cho bà C2, ông C1 chăm sóc cháu M1, cháu M2 trong thời gian chị Lan A không có mặt tại Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lan A và anh C thỏa thuận anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lan A số tiền 5.000.000đ/01con/01 tháng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: Chị Lan A, anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân C1 và bà Nguyễn Thị C2 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Phạm Thị Lan A. Chị Lan A và anh C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc vào ngày 10/8/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Lan A sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù cùng ở Hàn Quốc nhưng chị Lan A và anh C mỗi người sống một nơi, không quan tâm, không chia sẻ cùng nhau. Thời gian vừa qua, chị Lan A và anh C liên lạc về với ông bà nói việc vợ chồng bất đồng quan điểm và làm đơn xin ly hôn gửi về Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng; do vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Vợ chồng chị Lan A có 02 con chung là cháu Hàn Huyền M1, sinh ngày 07/11/2020 và cháu Hàn Linh M2, sinh ngày 27/9/2023. Chị Lan A và anh C đưa các con về nhờ vợ chồng ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi các

cháu còn nhỏ đến nay. Trước khi làm đơn xin ly hôn, chị Lan A và anh C thống nhất giao hai con chung cho chị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm giao cho vợ chồng bà chăm sóc hai cháu trong thời gian chị Lan A không có mặt tại Việt Nam, vợ chồng bà nhất trí.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lan A và anh C thỏa thuận anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lan A số tiền 5.000.000đ/01con/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, bà không có ý kiến gì. Trong thời gian Tòa án giao hai cháu cho vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Lan A không có mặt tại Việt Nam, vợ chồng bà tự nguyện không yêu cầu chị Lan A, anh C đóng góp tiền nuôi dưỡng hai cháu cùng ông bà.

Tại phiên họp:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xác định Thẩm phán, Thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Đề nghị áp dụng các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn C.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lan A và anh C: giao cho chị Phạm Thị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hàn Huyền M1, sinh ngày 07/11/2020 và cháu Hàn Linh M2, sinh ngày 27/9/2023 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hàn Huyền M1 và cháu Hàn Linh M2 cùng chị Lan A số tiền 5.000.000đ/01con/01 tháng, kể từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Hàn Huyền M1 và cháu Hàn Linh M2 cho bà Nguyễn Thị C2, ông Phạm Xuân C1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian chị Lan A không có mặt tại Việt Nam. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không giải quyết. Về lệ phí: Chị Phạm Thị Lan A phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, 300.000đ lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con là yêu cầu về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lan A có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Đội xx, thôn L, xã B, thành phố Hải Phòng, hiện nay sinh sống tại Hàn Quốc; anh C có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Đội xx, thôn D, xã H, thành phố Hải Phòng, hiện nay sinh sống tại Hàn Quốc cùng có quan điểm đề nghị Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng giải quyết công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Do vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

[1.2] Chị Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu chị Lan A, anh C về giao nhận văn bản tố tụng cho biết hiện nay chị Lan A, anh C đang lao động tại Hàn Quốc, không có điều kiện xin xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền nên đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị đề ngày 17/5/2026 do chị Lan A, anh C gửi về Tòa án không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Chị Lan A và anh C đề nghị Toà án tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của chị Phạm Thị Lan A, anh Hàn Văn C tại các văn bản trên. Tại Kết luận giám định số 2399/KL-KTHS ngày 11/6/2026, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên "Phạm Thị Lan A" trên các mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Phạm Thị Lan A trong các mẫu so sánh là do một người viết ra. Tại Kết luận giám định số 2400/KL-KTHS ngày 11/6/2026, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên " "Hàn Văn C trên các mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Hàn Văn C trong các mẫu so sánh là do một người viết ra".

Do vậy, có căn cứ xác định đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị đề ngày 17/5/2026 thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn C.

[1.3] Người yêu cầu chị Phạm Thị Lan A, anh Hàn Văn C; người đại diện theo uỷ quyền của chị Lan A, anh C về việc giao, nhận văn bản tố tụng là chị Nguyễn Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C2, ông Phạm Xuân C1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn Cương tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/8/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, mặc dù cùng ở Hàn Quốc nhưng mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lan A và anh C thỏa thuận giao cháu Hàn Huyền M1, sinh ngày 07/11/2020 và cháu Hàn Linh M2, sinh ngày 27/9/2023 cho chị Lan A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hiện nay, chị Lan A đang làm việc tại nước ngoài nên tạm giao cháu Hàn Huyền M1 và cháu Hàn Linh M2 cho bà Nguyễn Thị C2 và ông Phạm Xuân C1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Lan A không có mặt tại Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lan A và anh C thỏa thuận anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hàn Huyền M1 và cháu Hàn Linh M2 cùng chị Lan A số tiền 5.000.000đ/01con/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị Lan A và anh C.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lan A và anh C đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Chị Lan A Anh và anh C thoả thuận để chị Lan A chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, lệ phí cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lan A và anh Hàn Văn C.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Lan A và anh C: giao cho chị Phạm Thị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hàn Huyền M1, sinh ngày 07/11/2020 và cháu Hàn Linh M2, sinh ngày 27/9/2023 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hàn Huyền M1 và cháu Hàn Linh M2 cùng chị Lan A số tiền 5.000.000đ/01con/01 tháng, kể từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tạm giao cháu Hàn Huyền M1 và cháu Hàn Linh M2 cho bà Nguyễn Thị C2, ông Phạm Xuân C1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian chị Lan A không có mặt tại Việt Nam.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về lệ phí: Chị Phạm Thị Lan A phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự, 300.000đ lệ phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền 300.000

đồng chị Lan A đã nộp (bà Nguyễn Thị T nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số: 0006616 ngày 29/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lan A còn phải nộp 300.000đ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn năm 2029 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh